

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2024

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Q

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị O

2. Ông Lê Việt C

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 194/2024/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2024/QĐXX ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

NguY đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H - Sinh năm 1973

Bị đơn: Ông Mai Hữu H1 - Sinh năm 1970

Cùng HKTT: Phố Y, phường XuY, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Cùng nơi ở hiện nay: Phố N 2, phường XuY, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Mai Hữu H1 được gia đình tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau năm 1992 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND phường XuY, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2022. Quá trình chung sống, vợ chồng H2 thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. NguY nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, thậm chí xô sát với nhau, nên không khí gia đình luôn căng thẳng nặng nề. Gia đình hai bên cũng đã khuyên bảo cho vợ chồng nH1 mâu thuẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng tuy sống cùng nhà nH1 sống ly thân từ năm 2020. Bản thân bà và ông H1

đã nhìn nhận lại tình cảm và thống nhất làm đơn thuận tình ly hôn, nH1 sau đó ông H1 đã không đến Tòa án. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H1.

Về con chung: Ông bà có hai con chung là Mai Huy H – sinh ngày 02/6/1993 và Mai Huy H2 – sinh ngày 24/6/2004. Hiện nay đều đã thành niên, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản công nợ: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và H2 giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa... cho ông Mai Hữu H1 theo quy định của pháp luật nH1 ông H1 không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Thu thập chứng cứ tại địa pH: Ông Mai Hữu H1 và bà Nguyễn Thị Thu H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và chung sống với nhau tại địa pH. Quá trình chung sống, vợ chồng ông bà có phát sinh mâu thuẫn, nguY nhân như thế nào thì phổ không nắm được. Địa pH được biết vợ chồng ông H1 bà H đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Về con chung: ông bà có hai con chung là Mai Huy H – sinh ngày 02/6/1993 và Mai Huy H2 – sinh ngày 24/6/2004, hiện nay đều đã thành niên. Về tài sản công nợ của ông bà địa pH không nắm được. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại phiên tòa vắng mặt ông H1, bà H vẫn giữ nguY yêu cầu khởi kiện và không bổ sung thêm nội dung nào khác.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, nguY đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nH1 vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS để xét xử. Về yêu cầu khởi kiện: đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Mai Hữu H1 có địa chỉ tại thành phố Thanh Hóa, nên Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Mai Hữu H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cùng giấy triệu tập nhưng ông H1 vẫn không đến Tòa án làm việc, tại phiên tòa vắng mặt ông H1, nên HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS để xét xử.

[2] *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Mai Hữu H1 kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường XuY, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H thấy rằng: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Thực tế cho thấy, hôn nhân muốn tồn tại trước hết vợ chồng phải tH yêu, tôn trọng, có trách nhiệm và chung sống H2 thuận với nhau, cùng nhau xây dựng kinh tế, hạnh phúc gia đình. Qua xem xét lời khai của bà H, cung cấp của chính quyền địa phương nơi ông bà sinh sống thể hiện: vợ chồng bà H ông H1 do bất đồng quan điểm sống, cả vợ và chồng không hiểu nhau, không cùng quan điểm, không chung chí hướng dẫn đến cãi chửi nhau, khi nóng giận còn xảy ra xô sát, vợ chồng đã sống ly thân suốt một thời gian dài từ năm 2020 đến nay. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, ông H1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nH1 không đến Tòa án để thể hiện quan điểm ý kiến, không tham gia H2 giải, không tham gia phiên tòa, là từ bỏ quyền được trình bày thể hiện ý kiến, mặc nhiên để bà H đơn phương ly hôn. Do đó, xác định mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa bà H ông H1 không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của bà H, xử cho bà H được ly hôn ông H1.

[3] *Về con chung*: Ông bà có hai con chung là Mai Huy H – sinh ngày 02/6/1993 và Mai Huy H2 – sinh ngày 24/6/2004. Hiện nay đều đã thành niên, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về tài sản*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27, khoản 1. 1 Điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn ông Mai Hữu H1.

Về con chung: Công nhận anh Mai Huy H – sinh ngày 02/6/1993 và Mai Huy H2 – sinh ngày 24/6/2004 là con chung của ông Mai Hữu H1 và bà Nguyễn Thị Thu H. Hiện nay đều đã thành niên, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nH1 được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà đã nộp theo biên

lại thu tiền tạm ứng án phí số **0001311 ngày 19/3/2024** của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Bà H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA DS TP.Thanh Hoá;
- UBND P. XuY, Tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Q

